

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HỒNG NGỰ
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2019/DS-ST
Ngày: 05-11-2019
V/v tranh chấp đòi lại tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỒNG NGỰ, TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Lương Bằng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lâm Văn Bình.
2. Bà Lê Kim Tuyền.

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Tường - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Ngô Hữu Ý - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý 106/2019/TLST-DS ngày 22 tháng 8 năm 2019, về tranh chấp đòi lại tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 121/2019/QĐXX-ST ngày 14 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Đặng Thị M, sinh năm 1957; Địa chỉ nơi cư trú: khóm T1, thị trấn TTT, huyện HN, tỉnh Đồng Tháp (có mặt).

2. *Bị đơn:*

2.1. Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1948; (có mặt)

2.2. Bà Đinh Thị H, sinh năm 1956; (có mặt)

Cùng địa chỉ nơi cư trú: ấp x, xã TP2, huyện HN, tỉnh Đồng Tháp.

3. *Người làm chứng:* Ông Bành Văn H, sinh năm 1945; Địa chỉ nơi cư trú: khóm T1, thị trấn TTT, huyện HN, tỉnh Đồng Tháp. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện đề ngày 13 tháng 8 năm 2019 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn bà Đặng Thị M, trình bày: Vào năm 1987, bà có cho vợ chồng ông Nguyễn Văn T và bà Đinh Thị H mượn 07 chỉ vàng 24kara 9999 (không có làm biên nhận), sau hai năm vợ chồng ông T, bà H bán nghe cho ông Bành Văn H và ông H có nói trực tiếp với bà là bán cho ông chiếc nghe trị giá 3,5 chỉ vàng sau đó khoảng năm ngày thì bà H mới đem 3,5 chỉ vàng trả cho bà (trả không có làm giấy tờ gì hết) còn lại 3,5 chỉ đến nay không trả cho bà. Nay bà kiện yêu cầu vợ chồng ông T, bà H trả 3,5 chỉ vàng kara còn thiếu cho bà, không yêu cầu trả lãi.

Bị đơn ông Nguyễn Văn T trình bày: Ông thừa nhận trước đây vợ chồng ông có mượn của bà Đặng Thị M 07 chỉ vàng 24 kara 9999 mượn khoảng năm 1987 và cùng năm đó, bà M có xiết ghe của vợ chồng ông, ghe trị giá hơn 01 lượng vàng để trừ nợ, bà M trực tiếp đi bán chiếc ghe, việc bà M xiết ghe trừ nợ có chính quyền địa phương xã là ông Phát bí thư xã, ông Ng thư ký xã, ông Đ ở ấp lập biên bản, ông không biết họ nhưng người đó và giờ những người đó đã mất, chỉ còn ông ông Bảy H còn sống hơn 80 tuổi bệnh cũng không còn biết gì nữa (ngoài ra tôi cũng không có giấy tờ gì chứng minh), nay vợ chồng ông không thống nhất trả 3,5 chỉ vàng 24kara theo yêu cầu của bà M vì đã xiết ghe vợ chồng ông trừ nợ xong.

Bị đơn bà Đinh Thị H trình bày: Bà thống nhất theo trình bày của ông T chồng bà, ngoài ra bà không có ý kiến và trình bày thêm.

Người làm chứng Bành Văn H trình bày: Nguyên trước đây, ông sinh sống tại ấp x, xã TP2, huyện HN, hiện nay là khóm T1, thị trấn TTT, huyện HN. Khoảng 32 - 33 năm về trước, không nhớ cụ thể, ông có mua 01 chiếc ghe trọng tải 03 tấn loại gỗ với giá 3,5 chỉ vàng 24kra của ông Nguyễn Văn T. Do ông Nguyễn Văn T trực tiếp kêu ông bán ghe nhưng ông T không nói lý do bán, trước khi bán cho ông thì chiếc ghe của ông T dùng làm phương tiện đưa đồ và đi Biển Hồ chở cá khô. Lúc mua bán không có làm giấy tờ gì hết. Khi giao vàng thì ông giao một lần 3,5 chỉ vàng 24kra, khi giao thì có mặt 02 vợ chồng ông Thiệt nhưng ông đưa trực tiếp cho bà Đinh Thị H (vợ ông T). Sau khi mua ghe xong thì ông dùng làm phương tiện đưa đồ và đã nghỉ đưa đồ khoảng 15 năm nay, còn hiện nay chiếc ghe đã bị mục nát. Việc nợ nần giữa bà M và vợ chồng ông T thì ông không biết, chỉ đến khi ông giao vàng cho bà H thì mới biết nhưng không biết ai nói, nhưng ông chỉ giao vàng cho người bán ghe rồi ông lấy ghe về, còn bà M và vợ chồng ông T thỏa thuận nợ nần

như thế nào thì ông không biết được.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015. Về việc nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Đặng Thị M, buộc ông Nguyễn Văn T và bà Đinh Thị H liên đới trả 3,5 chỉ vàng 24kra 9999 còn nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Đây là tranh chấp đòi lại tài sản được quy định tại Điều 166 Bộ luật Dân sự 2015, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

[2] Xét yêu cầu của bà Đặng Thị M, Hội đồng xét xử nhận thấy bị đơn ông T và bà H đều thừa nhận có mượn của bà Mai 07 chỉ vàng 24kra 9999 vào năm 1987. Tuy nhiên, ông T và bà H cho rằng đã trả xong rồi do bà M có siết ghe của vợ chồng ông, ghe trị giá hơn 01 lượng vàng để trừ nợ, bà M trực tiếp đi bán chiếc ghe nhưng việc này không được bà M thừa nhận và ông T, bà H không có gì chứng minh. Trong khi, người làm chứng Bành Văn H trình bày chính ông là người mua ghe của ông T với bà H và cũng chi 1nh ông gia vàng cho bà H với giá là 3,5 chỉ vàng, từ số vàng bán ghe đó ông T và bà H đã trả được 3,5 chỉ vàng cho bà M. Vì vậy, việc khởi kiện của bà M là có căn cứ, còn ông T và bà H không cung cấp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, vì vậy đã đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và cũng phù hợp với ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên là đề nghị chấp nhận yêu cầu của bà M.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào các Điều 144 và 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, quy định: “Bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm trong trường hợp toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận”; tuy nhiên, do ông Nguyễn Văn T, bà Đinh Thị H thuộc trường hợp là người cao tuổi nên được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm và bà Đặng Thị M không phải chịu án phí sơ thẩm điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, 91, 92, 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015; Điều 166 của Bộ luật Dân sự 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của bà Đặng Thị M. Buộc ông Nguyễn Văn T và bà Đinh Thị H liên đới trả cho bà Đặng Thị M số vàng 3,5 chỉ vàng 24kara 9999.

2. Về án phí: Bà Đặng Thị M, ông Nguyễn Văn T và bà Đinh Thị H được miễn toàn bộ tiền án phí.

3. Hướng dẫn thi hành án dân sự: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Hồng Ngự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Lương Bằng